

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2023/DS-PT

Ngày: 23-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Bà Huỳnh Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 260/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Tấn P, sinh năm 1977 - Hộ kinh doanh P1; địa chỉ: Số H, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đoàn Tấn P: Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A, đường C, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1966 (*Có mặt*)

2.2. Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1965 (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: **Tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**.

4. Người kháng cáo: Ông **Trần Văn H** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh **Vũ Tuấn A** là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là trình bày: Anh **Đoàn Tấn P** – Chủ hộ kinh doanh Phát Đạt có tên gọi khác là Vũ chuyên mua bán thức ăn, thuốc thủy sản; sản xuất và tiêu thụ cá giống, cá thương phẩm các loại tại **ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**.

Từ năm 2018, ông **H** với anh **P** là chỗ khách hàng quen biết và thường xuyên mua thức ăn nuôi cá. Việc mua bán thức ăn của ông **H** với anh **P** theo phương thức mua nợ lại và thanh toán theo từng đợt.

Tính đến ngày 02/7/2020, ông **H** ký nhận và ghi tên trong Sổ mua hàng xác nhận còn nợ anh **P** 107.010.000 đồng. Việc mua bán thức ăn để nuôi cá nhằm phát triển kinh tế gia đình nên bà **C** là vợ ông **H** biết rõ sự việc này. Vì thế đã nhiều lần, anh **P** yêu cầu ông **H**, bà **C** phải trả số tiền còn nợ nói trên, nhưng vẫn không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Đoàn Tấn P** – Hộ kinh doanh **Phát Đ** yêu cầu ông **Trần Văn H** và bà **Võ Thị C** phải liên đới trả cho anh **P** số tiền còn nợ là 107.010.000 đồng, cùng khoản lãi của số tiền nợ này với lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện đến khi ông **H**, bà **C** trả hết nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông **H** và bà **C** trả số tiền vốn là 107.010.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông **Trần Văn H** trình bày: Ông **H** thừa nhận có mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản của anh **Đoàn Tấn P** để nuôi cá Diêu Hồng. Hai bên bắt đầu mua bán từ năm 2018, đến ngày 02/7/2020 thì số tiền ông **H** còn nợ lại anh **P** là 107.010.000 đồng. Khi tới đợt bán cá, anh **P** gặp ông **H** thỏa thuận thu mua cá để giao cho người khác. Hai bên thỏa thuận giá cá khoảng 35.000 đồng/kg và tiến hành cân cá. Anh **P** có tìm ông **H** mượn lại sổ cân cá để về làm quyết toán số tiền cá với người mua nên ông **H** đã giao sổ sách cho anh **P**. Hiện nay, ông **H** không xác định được lượng cá đã bán cho anh **P**. Ông **H** đề nghị anh **P** cung

cấp sổ sách để đối chiếu số tiền bán cá bao nhiêu để trừ vào số tiền nợ. Ngoài ra, ông **H** có trả cho anh **P** được 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng nhưng không có gì chứng minh.

Tại phiên tòa, ông **H** không yêu cầu phản tố mà yêu cầu anh **P** cung cấp sổ sách để đối chiếu nợ. Nếu không cung cấp được thì chỉ đồng ý trả cho anh **P** thêm số tiền 20.000.000 đồng. Ông **H** xác định việc nuôi cá là làm kinh tế để kiếm nguồn thu cho gia đình nhưng bà **C** không trực tiếp mua bán nên không thống nhất để bà **C** liên đới trả nợ.

- Bà **Võ Thị C** là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó, bà **C** cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại Bản án sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của anh **Đoàn Tấn P** – Hộ kinh doanh **Phát Đ**.

Buộc ông **Trần Văn H** và bà **Võ Thị C** có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **Đoàn Tấn P** – Hộ kinh doanh **Phát Đạt** số tiền mua bán còn thiếu là 107.010.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21/3/2023, ông **Trần Văn H** kháng cáo yêu cầu xem xét giải quyết lại hồ sơ vụ án, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu anh **Đoàn Tấn P** - Hộ kinh doanh **Phát Đ** phải cung cấp sổ cân cá để đối chiếu, xác nhận xem ông **H** còn nợ số tiền bao nhiêu.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh **Đoàn Tấn P** và ông **Trần Văn H** không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Ông **H** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến xét xử tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Xét thấy bản án sơ thẩm tuyên phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn H**, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án **huyện C, tỉnh Đồng Tháp**.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh **Đoàn Tấn P** khởi kiện ông **Trần Văn H** về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, Tòa nhân dân **huyện C** thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông **H** kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Anh **Đoàn Tấn P** ủy quyền cho ông **Vũ Tuấn A**, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng cấp tại phúc thẩm phù hợp quy định nên chấp nhận. Bà **Võ Thị C** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử theo quy định.

[2] Anh **P** yêu cầu ông **H** và bà **C** liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi cá còn thiếu là 107.010.000đ. Anh **P** cung cấp chứng cứ là sổ theo dõi nhận hàng và thanh toán ghi tên khách hàng là “Chú **Út A1**”. Tại phiên tòa phúc thẩm ông **H** thừa nhận có mua thức ăn nuôi cá của anh **P**, ông **H** cũng thừa nhận còn nợ số tiền 107.010.000đ. Do đó có đủ cơ sở xác định việc anh **P** bán thức ăn nuôi cá cho ông **H** là có thật.

Tuy nhiên, ông **H** không đồng ý thanh toán tiền theo yêu cầu của anh **P**. Lý do: Anh **P** có mua cá của ông **H** nhưng chưa cân trừ nợ. Nhận thấy ông **H** cũng xác nhận sổ theo dõi nhận hàng, thanh toán đúng số lượng và số tiền nợ. Đối với việc ông **H** cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền vốn 10.000.000đ nhưng không được anh **P** thừa nhận, nay tại phiên tòa ông **H** cũng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh việc anh **P** đã nhận số tiền này nên không chấp nhận trình bày của ông **H**.

Mặt khác, ông **H** cho rằng có bán cá cho anh **P** nhưng ông **H** không cung cấp được số lượng cá đã bán, số tiền là bao nhiêu và ông **H** cũng không có chứng cứ chứng minh thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi cá và giao cá để thanh

toán khấu trừ trong cùng một hợp đồng. Đồng thời ông H cũng không có đơn phản tố gửi Tòa án yêu cầu xem xét hợp đồng mua bán cá để thụ lý giải quyết chung cùng một vụ án. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết hợp đồng mua bán cá nên khi ông H có yêu cầu thì khởi kiện sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông H thừa nhận việc nuôi cá trên diện tích đất của gia đình và mục đích nuôi cá nhằm mục đích kinh tế gia đình. Qua trình mua thức ăn nuôi cá thì bà C vẫn biết, nay ông H không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh bà C không đồng ý cho ông H mua thức ăn nuôi cá của anh P, nên bà C phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Việc tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông H là không có cơ sở.

[3] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật

[4] Án phí phúc thẩm: Ông H phải chịu tiền án phí 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 148 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh Phát Đạt.

Buộc ông Trần Văn H và bà Võ Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh Phát Đạt số tiền mua bán còn thiếu là 107.010.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh **Đoàn Tấn P** – Hộ kinh doanh **Phát Đ** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.675.000 đồng theo biên lai thu số 0014655 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông **Trần Văn H** và bà **Võ Thị C** phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 5.350.500 đồng.

Ông **Trần Văn H** phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000349 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng